

Ý KIẾN KIỂM TOÁN KHÔNG PHẢI LÀ Ý KIẾN CHẤP NHẬN TOÀN PHẦN

TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ

Nguyễn Hữu Đồng*, Phạm Thị Thủy**

Ngày nhận: 28/10/2014

Ngày nhận bản sửa: 15/11/2014

Ngày duyệt đăng: 8/12/2014

Tóm tắt:

Các ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính của các công ty đại chúng niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam, phần lớn là do các báo cáo tài chính có sai sót trọng yếu. Bên cạnh đó ranh giới giữa các dạng “ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, “ý kiến kiểm toán trái ngược” và “từ chối đưa ra ý kiến” không thực sự rõ ràng. Các đối tượng sử dụng cần xem xét kỹ lưỡng cơ sở của các ý kiến kiểm toán và điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính trước khi tiến hành phân tích và nhận định về tình hình tài chính của doanh nghiệp, đồng thời Bộ Tài chính cần có những qui định và hướng dẫn cụ thể hơn về các dạng ý kiến kiểm toán, đặc biệt là cần cụ thể hóa khái niệm “lan tỏa” để phân định rõ ràng giữa “ý kiến kiểm toán ngoại trừ” và “ý kiến kiểm toán trái ngược” khi có các sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính.

Từ khóa: ý kiến kiểm toán, báo cáo kiểm toán, thị trường chứng khoán

Modified audit opinions in the Vietnamese stock exchange: Evidence and recommendations

Abstract:

Most of modified audit opinions on financial statements of the companies listed on the Vietnamese Stock Exchange were due to material misstatements. In addition, “qualified opinion”, “adverse opinion” and “disclaimer of opinion” were not clearly distinguished. Users should consider basis for modified opinion paragraphs carefully and make any necessary adjustments before assessing companies’ financial situations. Besides, The Ministry of Finance should give detailed instructions relating to the types of modified audit opinions and specific explanation of the “pervasiveness” concept in order to differentiate clearly between “qualified opinion” and “adverse opinion” when financial statements are materially misstated.

Keywords: audit opinion, audit report, stock exchange

1. Giới thiệu

Bộ Tài chính (2014d) qui định các công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán độc lập kí báo cáo kiểm toán và không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính (Bộ Tài chính, 2012d). Các báo cáo tài chính đã kiểm toán là một trong những căn cứ để Ủy ban chứng khoán nhà nước phân loại các doanh nghiệp niêm yết thuộc diện bị cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, hay tạm ngừng giao dịch. Kết quả phân loại cùng với hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp là

nguồn thông tin quan trọng để các nhà đầu tư ra quyết định mua, bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Tính hữu ích của các thông tin trên báo cáo tài chính doanh nghiệp không thể tách rời khỏi ý kiến của kiểm toán viên về việc liệu báo cáo tài chính có được lập phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng hay không (xét trên các khía cạnh trọng yếu). Trong bài viết này, các tác giả xem xét các dạng ý kiến kiểm toán đối với các báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam, từ đó đề xuất các đối tượng quan tâm nên hiểu và sử

dụng các ý kiến kiểm toán này như thế nào. Bên cạnh đó, bài viết cũng đề xuất ý kiến đối với Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kiểm toán nhằm có được ranh giới rõ ràng giữa các dạng ý kiến kiểm toán, từ đó nâng cao tính hữu ích của ý kiến kiểm toán đối với các đối tượng sử dụng.

2. Tổng quan nghiên cứu

Khi kiểm toán báo cáo tài chính của các doanh nghiệp, kiểm toán viên có thể đưa ra một trong bốn dạng ý kiến: ý kiến chấp nhận toàn phần, ý kiến ngoại trừ, ý kiến trái ngược và từ chối đưa ra ý kiến. Nghiên cứu của Lin, Jiang và Xu (2011) về các ý kiến kiểm toán trên Thị trường chứng khoán Trung Quốc giai đoạn 1992-1999 cho thấy các ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần chiếm 11%, thấp nhất năm 1995 (7%) và cao nhất năm 1999 (19,9%). Tỷ lệ các ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần thấp hơn nhiều ở các nước Châu Âu: trên Thị trường chứng khoán Anh, giai đoạn 1988-1994 có 2,96% ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần (Lennox, 2000) và trên Thị trường chứng khoán Athens giai đoạn 2005-2011 có 2,4% ý kiến ngoại trừ, 0,8% ý kiến trái ngược và 0,2% từ chối đưa ra ý kiến (Tsipouridou và Spathis, 2014).

Một số nghiên cứu cho thấy các công ty có ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng số các công ty có vấn đề về tài chính (bị đưa vào diện kiểm soát đặc biệt, hủy niêm yết hoặc phá sản). 38,42% trên tổng số 149 công ty bị đưa vào diện kiểm soát đặc biệt trên Thị trường chứng khoán Thượng Hải giai đoạn 2000-2004 có ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần (trong đó có 19,93% ý kiến ngoại trừ, 17,54% từ chối đưa ra ý kiến và 0,95% ý kiến trái ngược), cao hơn rất nhiều so với các công ty không thuộc diện bị kiểm soát đặc biệt (8,43%) (Czerkowski, Green và Wang, 2009).

Trong tổng số 85 công ty hủy niêm yết trên thị trường chứng khoán Tehran giai đoạn 2008-2011 có 69 công ty (81,12%) có ý kiến ngoại trừ, 4 công ty (4,71%) có ý kiến trái ngược và 9 công ty (10,59%) kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến (Darezereshki, Khanghah, Shafiei và Vahid, 2014).

Các ý kiến kiểm toán liên quan tới giả định hoạt động liên tục chiếm tỷ trọng cao trong tổng số các ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần (bao gồm cả các ý kiến chấp nhận toàn phần nhưng có lưu ý): 19,45% tại Hoa Kỳ, 15% tại Anh, 22% tại Úc, 23% tại Đức và 11% tại Pháp (năm 2009) (Carson, Simnett và Tronnes, 2012). Các

công ty phá sản tại Hoa Kỳ trong giai đoạn 2000-2010 có báo cáo tài chính với ý kiến kiểm toán liên quan tới giả định hoạt động liên tục chiếm tỷ trọng 60% trong tổng số các công ty phá sản, thấp nhất năm 2000 (40%) và cao nhất năm 2009 (81,5%) (Carson, Fargher, Geiger, Lennox, Raghunandan và Willekens, 2013).

Các nghiên cứu về tác dụng của các ý kiến kiểm toán báo cáo tài chính doanh nghiệp niêm yết đối với việc ra quyết định của các nhà đầu tư có các phát hiện trái ngược nhau. Các nghiên cứu của Firth (1978) ở Vương quốc Anh, Ball, Walker và Whittred (1979) ở Australia, Chow và Rice (1982) tại Mỹ, Soltani (2000) tại Pháp cho thấy các ý kiến kiểm toán ngoại trừ của kiểm toán viên có ảnh hưởng xấu đến giá cổ phiếu ngay sau khi báo cáo tài chính được công bố. Nghiên cứu của Chen, Su và Zhao (2000) và nghiên cứu của Lin, Tang và Xiao (2003) ở Trung Quốc về ảnh hưởng của báo cáo kiểm toán tới các quyết định đầu tư và tài trợ vốn cho thấy báo cáo kiểm toán có giá trị cung cấp thông tin trong việc ra quyết định của các đối tượng sử dụng, các ý kiến kiểm toán ngoại trừ có ảnh hưởng xấu đến việc ước tính độ tin cậy của các báo cáo tài chính đối với lòng tin của nhân viên các ngân hàng và các tổ chức tài chính.

Tuy nhiên, các nghiên cứu sau năm 2003 đều cho kết quả nghiên cứu ngược lại với các nghiên cứu trước đó. Nghiên cứu của Martinez và các cộng sự (2004) tại Tây Ban Nha cho thấy các ý kiến kiểm toán ngoại trừ không có giá trị thông tin đối với các nhà đầu tư và không ảnh hưởng tới giá cổ phiếu. Nghiên cứu của Al-Thuneibat, Khamees và Al-Fayoumi (2008) ở Jordan cũng cho thấy các ý kiến kiểm toán không có ảnh hưởng đáng kể và rõ ràng tới giá cổ phiếu, các tác giả cho rằng nhà đầu tư có thể không hiểu nội dung của các báo cáo kiểm toán và không thể nhận ra giá trị của chúng. Czerkowski, Green và Wang (2010) nghiên cứu về giá trị của các ý kiến kiểm toán tại Trung Quốc đã cho kết quả ngược lại với các nghiên cứu của Chen, Su và Zhao (2000) và nghiên cứu của Lin, Tang và Xiao (2003): các nhà nghiên cứu không tìm thấy bằng chứng cho thấy các ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần có ảnh hưởng đáng kể tới việc ra quyết định của các nhà đầu tư Trung Quốc.

Tương tự vậy, nghiên cứu của Tahinakis (2010) tại Hi Lạp, Moradi và các cộng sự (2011) tại Iran, Anvarkhatibi và các cộng sự (2012) cũng tại Iran cho thấy các báo cáo kiểm toán ít có giá trị thông tin đối với các nhà đầu tư và không liên quan tới quá

trình ra quyết định của họ: ý kiến chấp nhận toàn phần, ý kiến kiểm toán ngoại trừ hay từ chối đưa ra ý kiến đều không có ảnh hưởng đáng kể và rõ ràng tới giá cổ phiếu; nguyên nhân có thể là do họ thiếu sự hiểu biết về nội dung, tầm quan trọng và giá trị của các báo cáo này.

Tổng quan nghiên cứu trên thế giới cho thấy mặc dù báo cáo tài chính của các công ty cổ phần niêm yết bắt buộc phải có ý kiến kiểm toán, và trong thực tiễn các ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần chiếm tỷ trọng đáng kể trong số các công ty có vấn đề về tài chính nhưng tác dụng của ý kiến kiểm toán trong thực tiễn chưa rõ ràng. Điều đó dẫn tới mục tiêu của nghiên cứu này là tìm hiểu thực trạng các ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần trên thị trường chứng khoán Việt Nam và đưa ra các đề xuất nhằm phát huy tác dụng của các ý kiến này trong thực tiễn.

3. Các dạng ý kiến kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam

Theo Chuẩn mực kiểm toán số 700, có hai dạng ý kiến kiểm toán cơ bản: ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần (Bộ Tài chính, 2012a). Kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nếu trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính được lập phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng. Ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần trong báo cáo kiểm toán được đưa ra nếu dựa trên bằng chứng kiểm toán thu thập được, xét trên phương diện tổng thể, báo cáo tài chính vẫn còn sai sót trọng yếu hoặc kiểm toán viên không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra kết luận rằng báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu.

Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 705 qui định và hướng dẫn ba dạng ý kiến kiểm toán không phải

là ý kiến chấp nhận toàn phần, bao gồm ý kiến kiểm toán ngoại trừ, ý kiến kiểm toán trái ngược và từ chối đưa ra ý kiến. Kiểm toán viên phải trình bày “ý kiến kiểm toán ngoại trừ” khi kiểm toán viên có các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để kết luận các sai sót (xét riêng lẻ hay tổng hợp lại) có ảnh hưởng trọng yếu nhưng không lan tỏa đối với báo cáo tài chính; hoặc kiểm toán viên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán, nhưng những ảnh hưởng có thể có của các sai sót chưa được phát hiện (nếu có) có thể là trọng yếu nhưng không lan tỏa đối với báo cáo tài chính (Bộ Tài chính, 2012b).

Kiểm toán viên phải trình bày “ý kiến kiểm toán trái ngược” khi có các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để kết luận các sai sót (xét riêng lẻ hay tổng hợp lại) có ảnh hưởng trọng yếu và lan tỏa đối với báo cáo tài chính. Kiểm toán viên phải từ chối đưa ra ý kiến khi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán và những ảnh hưởng có thể có của các sai sót chưa được phát hiện (nếu có) có thể là trọng yếu và lan tỏa đối với báo cáo tài chính. Việc đưa ra các dạng ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần tùy theo các trường hợp liên quan tới bản chất của vấn đề và tính chất lan tỏa của các ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng có thể có của vấn đề đó đối với báo cáo tài chính (bảng 1).

4. Thực tiễn trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam

Để tìm hiểu về thực tiễn các ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần trên thị trường chứng khoán Việt Nam, các tác giả đã khảo sát các báo cáo tài chính của các công ty cổ phần niêm yết trong hai năm 2012 và 2013 với nguồn dữ liệu trên trang web của hai sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (<http://hsx.vn>) và Hà Nội (<http://hnx.vn>). Số lượng doanh nghiệp niêm yết

Bảng 1: Các dạng ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần

Bản chất của vấn đề dẫn tới việc kiểm toán viên phải đưa ra ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần	Xét đoán của kiểm toán viên về tính chất lan tỏa của các ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng có thể có của vấn đề đó đối với báo cáo tài chính	
	Trọng yếu nhưng không lan tỏa	Trọng yếu và lan tỏa
Báo cáo tài chính có sai sót trọng yếu	Ý kiến kiểm toán ngoại trừ	Ý kiến kiểm toán trái ngược
Không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp	Ý kiến kiểm toán ngoại trừ	Từ chối đưa ra ý kiến

Nguồn: Bộ Tài chính (2012b)

cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã giảm từ 307 (31/12/2012) xuống 301 (31/12/2013) (Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, 2014, trang 14) và số lượng doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội giảm từ 396 (31/12/2012) xuống 377 (31/12/2013) (Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, 2014, trang 22).

Số lượng ý kiến kiểm toán không phải là chấp nhận toàn phần cho các báo cáo tài chính năm 2012 là 14 (3,5%) (bảng 2) và tăng lên là 28 (7,4%) cho các báo cáo tài chính năm 2013 (bảng 3). Các ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần năm 2012 có 13 “ý kiến kiểm toán ngoại trừ” (92,8%) và 1 “từ chối đưa ra ý kiến” (7,2%), trong khi năm 2013 có 24 “ý kiến kiểm toán ngoại trừ” (85,7%), 2 “ý kiến kiểm toán trái ngược” (7,1%) và 2 “từ chối đưa ra ý kiến” (7,1%).

Các báo cáo tài chính có sai sót trọng yếu chiếm 57% (8 công ty) năm 2012 và 79% (22 công ty) năm 2013 nguyên nhân dẫn tới ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần. Các sai sót trọng yếu chủ yếu xoay quanh các vấn đề về không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, trích khấu hao tài sản cố định thiếu và không ghi nhận chi

phí đúng kì với ghi nhận doanh thu dẫn đến lợi nhuận báo cáo cao hơn mức thực tế.

Mặc dù các chuẩn mực kiểm toán 700 và 705 qui định cụ thể các trường hợp đưa ra các dạng ý kiến kiểm toán nhưng trong thực tiễn ranh giới giữa các dạng ý kiến này không rõ ràng. Khi các báo cáo tài chính có sai sót trọng yếu, kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ hay ý kiến kiểm toán trái ngược phụ thuộc vào việc nhận định sai sót đó có “lan tỏa” hay không, và điều này có phần phụ thuộc vào chủ quan của kiểm toán viên. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán trái ngược đối với báo cáo tài chính của QCC do đã có những sai sót trọng yếu (trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi, giá trị của các công trình đã nghiệm thu và ghi nhận doanh thu vẫn được báo cáo trên khoản mục hàng tồn kho) mà nếu ghi nhận đúng kết quả kinh doanh năm 2013 của công ty sẽ là lỗ 913 triệu đồng, chứ không phải là lãi 393 triệu đồng (Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam, 2014).

Trong trường hợp này, mặc dù các sai sót chỉ ảnh hưởng giới hạn đến một số khoản mục cụ thể của báo cáo tài chính nhưng những ảnh hưởng này đại diện cho một phần quan trọng của báo cáo tài chính nên vẫn đáp ứng định nghĩa “lan tỏa” theo đoạn 04 mục a (ii) của chuẩn mực kiểm toán số 705. Tuy

Bảng 2: Các báo cáo tài chính năm 2012 có ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần

	Mã Chứng khoán	Tên công ty	Bản chất của vấn đề dẫn tới ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần	
			Báo cáo tài chính có sai sót trọng yếu	Không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp
1	BT6	Công ty Cổ phần Beton 6	x	
2	D11	Công ty Cổ phần Địa ốc 11		x
3	DTA	Công ty Cổ phần Đệ Tam		x
4	HAS	Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Hà Nội	x	x
5	HLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long	x	
6	NTB ^(*)	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584		x
7	PSG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	x	x
8	PXT	Công ty cổ phần xây lắp đường ống bể chứa dầu khí		x
9	PXI	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và dân dụng Dầu khí		x
10	PXL	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO	x	
11	QCC	Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam	x	x
12	S96	Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06		x
13	VLF	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long	x	
14	TVD	Công ty Cổ phần Than Vàng Danh	x	

(*) Từ chối đưa ra ý kiến

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Bảng 3: Các báo cáo tài chính năm 2013 có ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần

	Mã Chứng khoán	Tên công ty	Bản chất của vấn đề dẫn tới ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần	
			Báo cáo tài chính có sai sót trọng yếu	Không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp
1	BGM	Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Giang	x	
2	BHC	Công ty Cổ phần Bê tông Biên Hòa	x	
3	BT6	Công ty Cổ phần Beton 6	x	
4	BVG	Công ty Cổ phần Thép Việt Bắc	x	
5	CMG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	x	
6	DNS	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	x	
7	DTA	Công ty Cổ phần Đệ Tam		x
8	GTT	Công ty Cổ phần Thuận Thảo	x	
9	HAS	Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Hà Nội	x	x
10	HLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long	x	
11	HBE	Công ty Cổ phần Sách thiết bị Hà Tĩnh	x	x
12	HIG	Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT	x	
13	ITD	Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong		x
14	LHG	Công ty Cổ phần Long Hậu	x	
15	PNC	Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	x	
16	PSG ^(***)	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn		x
17	PXI	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và dân dụng Dầu khí	x	
18	PXM ^(**)	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung		x
19	PXL	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO	x	
20	PVA ^(*)	Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Nghệ An	x	
21	QCC ^(***)	Công ty Cổ phần Xây lắp và phát triển dịch vụ bưu điện Quảng Nam	x	
23	S96 ^(**)	Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06	x	x
24	SD7	Công ty Cổ phần Sông Đà 7	x	
25	VCV	Công ty Cổ phần Vận tải VINACONEX	x	x
26	VIE	Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO		x
27	VLF	Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long	x	
28	VMC	Công ty Cổ phần VIMECO		x

(*) Đã phát hành lại Báo cáo tài chính với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần ngày 27/5/2014

(**) Từ chối đưa ra ý kiến

(***) Ý kiến kiểm toán trái ngược

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

nhiên, kiểm toán viên chỉ đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với các sai sót tương tự ở báo cáo tài chính của GTT: không phân bổ chi phí lợi thế thương mại (phát sinh do hợp nhất kinh doanh) 12,3 tỷ đồng và chưa ghi nhận số tiền lãi phải nộp do chậm nộp thuế 13 tỷ đồng vào kết quả kinh doanh năm 2013 (Công ty Cổ phần Thuận Thảo, 2014). Nếu ghi nhận đúng các khoản này, kết quả kinh doanh của Công ty sẽ là lỗ 24, 4 tỷ đồng thay vì báo cáo lãi 700 triệu đồng. Điều này có nghĩa là các sai sót tại GTT cũng đại diện cho một phần quan trọng của báo cáo tài chính tương tự như trường hợp của QCC, đáp ứng điều kiện “lan tỏa” để đưa ra ý kiến kiểm toán trái ngược. Tương tự vậy, kiểm toán viên cũng đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với

các báo cáo tài chính của HAS, PXL và HLG năm 2012 mà nếu ghi nhận đúng thì kết quả kinh doanh của các công ty này sẽ báo cáo lỗ thay vì báo cáo lãi.

Cùng về vấn đề liên quan đến giả định hoạt động liên tục, kiểm toán viên từ chối đưa ra ý kiến đối với báo cáo tài chính của PXM, nhưng đưa ra ý kiến kiểm toán trái ngược đối với báo cáo tài chính của PSG. Cơ sở để kiểm toán viên từ chối đưa ra ý kiến đối với báo cáo tài chính của PXM là: “*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 163.455.759.041 VND và số lỗ lũy kế của Công ty là 265.743.681.041 VND vượt quá vốn điều lệ 115.743.681.041 VND. Đồng thời các thỏa thuận tài chính của công ty đã hết hạn và số dư còn lại sẽ*

phải thanh toán trong năm 2014. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình tái đàm phán nhằm đạt được các thỏa thuận tài chính thay thế. Tuy nhiên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc sử dụng giả định hoạt động liên tục trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm các thỏa thuận tài chính được gia hạn, cam kết hỗ trợ tài chính từ Công ty mẹ cũng như các bằng chứng liên quan đến kế hoạch mà Ban Giám đốc đã lập.” (Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, 2014).

Điều này nhất quán với hướng dẫn của chuẩn mực kiểm toán số 705 (không thu thập đủ bằng chứng kiểm toán về các vấn đề có ảnh hưởng trọng yếu và lan tỏa). Tuy nhiên, với cơ sở khá tương tự, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán trái ngược đối với báo cáo tài chính của PSG: *“Do tình hình của công ty tiếp tục bị lỗ 222.541.614.176 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 561.106.685.262 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 457.466.393.645 VND. Trong đó một số hợp đồng vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán và chúng tôi chưa thu thập được các thỏa thuận cho phép gia hạn các khoản vay nói trên. Các khoản phải trả nhà cung cấp đã có quyết định thi hành án và chúng tôi cũng chưa thu thập được các bằng chứng liên quan đến việc gia hạn các khoản nợ. Những sự kiện này cho thấy có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và do đó Công ty có thể không có khả năng thực hiện giá trị tài sản hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả trong điều kiện hoạt động bình thường.” (Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, 2014).*

Đoạn văn cơ sở của ý kiến kiểm toán trên cho thấy kiểm toán viên đã không thu thập được đủ bằng chứng kiểm toán liên quan tới khả năng hoạt động liên tục của PSG. Tuy nhiên chuẩn mực kiểm toán số 705 hướng dẫn nếu kiểm toán viên không thu thập được đủ bằng chứng kiểm toán và vấn đề có ảnh hưởng lan tỏa đối với báo cáo tài chính thì sẽ từ chối đưa ra ý kiến, còn nếu phát hiện báo cáo tài chính có những sai sót trọng yếu và lan tỏa thì sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán trái ngược.

Bên cạnh đó, chuẩn mực kiểm toán số 570 (liên quan tới khả năng hoạt động liên tục) hướng dẫn: kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán trái ngược nếu *khả năng định doanh nghiệp đã không thể tái đàm phán hoặc đạt được thỏa thuận tài chính thay thế và*

đang xem xét việc công bố phá sản (Bộ Tài chính, 2012b và 2012c). Ngoài ra, các vấn đề khác trong cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính của PSG đều là chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng, do đó theo hướng dẫn của chuẩn mực kiểm toán số 705, kiểm toán viên nên từ chối đưa ra ý kiến mà không phải là đưa ra ý kiến kiểm toán trái ngược.

5. Bàn luận

Các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính căn cứ vào các dạng ý kiến kiểm toán để đánh giá về mức độ tin cậy của số liệu trên báo cáo tài chính. Theo logic thông thường, báo cáo tài chính có ý kiến kiểm toán ngoại trừ sẽ có mức độ tin cậy kém hơn so với báo cáo tài chính có ý kiến chấp nhận toàn phần và báo cáo tài chính có ý kiến kiểm toán trái ngược sẽ không đáng tin cậy. Hơn nữa, tính hữu ích của báo cáo tài chính mà kiểm toán viên từ chối đưa ra ý kiến đối với các đối tượng sử dụng cũng rất hạn chế. Tuy nhiên, như đã minh họa ở phần trước, ranh giới giữa các dạng ý kiến kiểm toán ngoại trừ với ý kiến kiểm toán trái ngược và từ chối đưa ra ý kiến trong thực tiễn báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam không rõ ràng nên các đối tượng sử dụng cần xem xét kỹ cơ sở của các ý kiến kiểm toán để có những nhận định đúng đắn về số liệu trên các báo cáo tài chính.

Hơn nữa, tỷ lệ các báo cáo tài chính có sai sót trọng yếu dẫn tới các ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần, mà chủ yếu là ý kiến kiểm toán ngoại trừ rất cao đặt ra câu hỏi: tại sao các doanh nghiệp niêm yết chấp nhận sự tồn tại của các sai sót đó và chấp nhận ý kiến kiểm toán ngoại trừ mà không điều chỉnh lại báo cáo tài chính để có được ý kiến chấp nhận toàn phần?

Để trả lời thỏa đáng câu hỏi này có lẽ cần có một nghiên cứu đầy đủ khác, nhưng một lý do có thể kể đến là các doanh nghiệp muốn dẫn dắt thị trường bằng các số liệu trên các báo cáo tài chính đã được “đánh bóng” bằng các sai sót trọng yếu, vì các sai sót đó đều làm cho lợi nhuận báo cáo cao hơn mức thực tế, thậm chí chuyển từ lỗ thành lãi. Các sai sót trọng yếu này sẽ có lợi cho doanh nghiệp nếu các đối tượng sử dụng bỏ qua cơ sở của các ý kiến kiểm toán ngoại trừ và tính toán các chỉ số tài chính theo các số liệu hiện có trên các báo cáo tài chính. Vì vậy, các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính cần căn cứ vào cơ sở của các ý kiến kiểm toán ngoại trừ để điều chỉnh lại số liệu trên báo cáo tài chính trước khi tiến hành phân tích, nhận định về tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Ví dụ, trong trường hợp báo cáo tài chính của GTT năm 2013, các đối tượng sử dụng cần điều chỉnh các khoản mục sau:

- Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2013: điều chỉnh giảm tài sản dài hạn 12,3 tỷ đồng (phần phân bổ chi phí lợi thế thương mại); điều chỉnh tăng nợ phải trả ngắn hạn 13 tỷ đồng (phần dự phòng nợ phải trả cho tiền lãi phải trả do chậm nộp thuế) và tương ứng điều chỉnh giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 25,3 tỷ đồng.

- Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013: điều chỉnh tăng chi phí quản lý doanh nghiệp 12,3 tỷ đồng và điều chỉnh tăng chi phí khác 13 tỷ đồng, tương ứng điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận kế toán trước thuế và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 25,3 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu tài chính phản ánh khả năng sinh lời và cơ cấu nguồn vốn của GTT trên cơ sở báo cáo tài chính của GTT sau khi điều chỉnh sẽ xấu hơn nhiều so với trước khi điều chỉnh báo cáo do kết quả kinh doanh chuyển từ lãi thành lỗ, tăng nợ phải trả và giảm vốn chủ sở hữu.

Bên cạnh đó, nhằm có được môi trường thông tin minh bạch hơn và ý kiến kiểm toán thực sự có ý nghĩa đối với các đối tượng sử dụng, Bộ Tài chính cần có những quy định và hướng dẫn cụ thể để tránh những ranh giới không rõ ràng giữa các dạng ý kiến kiểm toán, đặc biệt là cần cụ thể hóa khái niệm “lan tỏa” để phân định rõ ràng giữa ý kiến kiểm toán

ngoại trừ và ý kiến kiểm toán trái ngược do có các sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính. Khái niệm “lan tỏa” chỉ liên quan tới giai đoạn đưa ra ý kiến kiểm toán, mà không liên quan tới các giai đoạn trước đó của cuộc kiểm toán, nên ngoài việc xem xét tất cả các kết quả kiểm toán, việc có những hướng dẫn xem xét số lượng các khoản mục bị ảnh hưởng, giá trị của các khoản mục bị ảnh hưởng, hoặc các ảnh hưởng đặc biệt như báo cáo từ lỗ thành lãi, vốn chủ sở hữu từ âm thành dương do các sai sót trọng yếu sẽ giúp cho các kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ hay ý kiến kiểm toán trái ngược một cách hợp lý.

6. Kết luận

Bài viết này được thực hiện với mục tiêu xem xét thực tiễn các ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên Thị trường chứng khoán Việt Nam, đối chiếu với quy định của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy thực tiễn tồn tại cả ba dạng ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần, tuy nhiên ranh giới giữa các dạng ý kiến kiểm toán không thật sự rõ ràng, mà vấn đề nổi bật là do sự khó đánh giá về mức độ lan tỏa của các sai sót trọng yếu. Điều này đòi hỏi các đối tượng sử dụng cần xem xét cụ thể cơ sở của các ý kiến kiểm toán và có các điều chỉnh cần thiết số liệu trên báo cáo tài chính trước khi đưa ra các phân tích và nhận định về tình hình tài chính của doanh nghiệp. □

Tài liệu tham khảo

- Al-Thuneibat, A., Khamees, B. và Al-Fayoumi, N. (2008), ‘The Effect of Qualified Auditors’ Opinions on Share Prices: Evidence from Jordan’, *Managerial Auditing Journal*, Tập 23, số 1, 2008, trang 84-101
- Anvarkhatibi, S., Safashur, S. và Mohammadi, J. (2012), ‘The effect of auditors opinions on shares prices and returns in Tehran Stock Exchange’, *Research Journal of Management Sciences*, Tập 1, số 1, trang 23-27.
- Ball, R., Walker, R. và Whittred, G. (1979), ‘Audit Qualifications and Share Prices’, *Abacus*, Tập 15, số 1, trang 23-34
- Bộ Tài chính (2012a), *Chuẩn mực kiểm toán số 700*, ban hành ngày 6 tháng 12 năm 2012.
- Bộ Tài chính (2012b), *Chuẩn mực kiểm toán số 705*, ban hành ngày 6 tháng 12 năm 2012.
- Bộ Tài chính (2012c), *Chuẩn mực kiểm toán số 570*, ban hành ngày 6 tháng 12 năm 2012.
- Bộ Tài chính (2012d), Thông tư 52/2012/TT-BTC, *Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán*, ban hành ngày 5 tháng 4 năm 2012.
- Carson, E., Simnett, R. và Tronnes, P. (2012), *International consistency in audit reporting behavior: evidence from going-concern modification*. Report to International Auditing and Assurance Standards Board. Truy cập lần cuối ngày 24 tháng 11 năm 2014, từ <http://files.iaaer.org/research/IAASB_Report_Final_working_version_9_January_2012.pdf?1406556333>
- Carson, E., Fargher, N., Geiger, M., Lennox, K., Raghunandan, K. và Willekens, M. (2013), ‘Audit reporting for going-concern uncertainty: A research synthesis’, *Auditing: A Journal of Practice & Theory*, Tập 32, Supplement 1, trang 353-384
- Chen, C., Su, X. and Zhao, R. (2000), “An emerging market’s reaction to initial modified audit opinions: evidence from the Shanghai Stock Exchange”, *Contemporary Accounting Research*, Tập 17, trang 429-455.

- Chow, C. and Rice, S. (1982), “Qualified Audit Opinions and Share Prices – An Investigation”, *Auditing*, Tập 1, số 2, Winter, trang 35-53
- Công ty Cổ phần Thuận Thảo (2014), Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013, Phú Yên.
- Công ty Cổ phần Xây lắp và phát triển dịch vụ bưu điện Quảng Nam (2014), Quảng Nam.
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (2014), Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013, Đà Nẵng.
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (2014), Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Czernekowski, R., Green, W. và Wang, Y. (2009), ‘Special treatment regulation in China: potential unintended consequences’, *Asian Review of Accounting*, Tập 17, số 3, trang 198-211.
- Czernekowski, R., Green, W. và Wang, Y. (2010), ‘The value of audit qualifications in China’, *Managerial Auditing Journal*, Tập 25, số 5, trang 404-426.
- Darezereshki, T., Khanghah, J., Shafiei, A. và Vahid, N. (2014), ‘A survey of the effect of audit report type on delisting the companies from stock exchange market in terms of separated industries (2008-2011)’, *Management and Administrative Science Review*, Tập 3, số 4 (số đặc biệt), trang 597-601.
- Firth, M. (1978), ‘Qualified audit reports: their impact on investment decisions’, *Accounting Review*, Tập 53, số 3, trang 642-659.
- Lennox, C. (2000), ‘Do companies successfully engage in opinion-shopping? Evidence from the UK’, *Journal of Accounting and Economics*, Tập 29, trang 321-337.
- Lin, Z., Jiang, Y. and Xu, Y. (2011), ‘Do modified audit opinions have economic consequences? Empirical evidence based on financial constraints’, *Chinese Journal of Accounting Research*, Tập 4, trang 135-154.
- Lin, Z., Tang, Q. và Xiao, J. (2003), ‘An experimental study of users’ responses to qualified audit reports in China’, *Journal of International Accounting, Auditing and Taxation*, Tập 12, trang 1-22.
- Martinez, M. C. P., Martinez, A. V. và Benau, M. A. G. (2004), ‘Reactions of the Spanish Capital Market to Qualified Audit Reports’, *European Accounting Review*, Tập 13, số 4, trang 689-711
- Moradi, M., Salehi, M., Rigi, M. và Moeinizade, M. (2011), ‘The effect of qualified audit report on share prices and returns: Evidence of Iran’, *African Journal of Business Management*, Tập 5, số 8, trang 3354-3360.
- Soltani, B. (2000), ‘Some Empirical Evidence to Support the Relationship between Audit Reports and Stock Prices - The French Case’, *International Journal of Auditing*, Tập 4, số 3, trang 269-291.
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (2014), Báo cáo thường niên 2013, Hà Nội.
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (2014), Báo cáo thường niên 2013, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tahinakis, P. (2010), ‘An Appraisal of the impact of audit qualifications on firms’ stock exchange price fluctuations’, *Enterprise Risk Management*, Tập 1, số 1, trang 86-99.
- Tsipouridou, M. và Spathis, C. (2014), “Audit opinions and earnings management”, *Accounting Forum*, Tập 38, trang 38-54.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Hữu Đồng, Tiến sỹ**

- Tổ chức tác giả công tác: Viện Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Lĩnh vực nghiên cứu chính của tác giả: Kế toán, Kiểm toán, Phân tích hoạt động kinh doanh, phân tích báo cáo tài chính
- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Kinh tế và Phát triển, Kế toán, Kiểm toán, Nghiên cứu khoa học Kiểm toán*
- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: dongnh@neu.edu.vn

****Phạm Thị Thủy, Tiến sỹ**

- Tổ chức tác giả công tác: Viện Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Lĩnh vực nghiên cứu chính của tác giả: Kế toán, Kiểm toán, Phân tích hoạt động kinh doanh, phân tích báo cáo tài chính
- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Kinh tế và Phát triển, Kế toán, Kiểm toán, Nghiên cứu khoa học Kiểm toán*
- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: phamthithuy3010@gmail.com